TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Số: **53/**2018/QĐST- HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 01 tháng 3 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 29/2018/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số nhà 02, tổ 02, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh **Phan V**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số nhà 01, tổ 06, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 02 năm 2018

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 02 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị B và anh Phan V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về con chung*: Giao con chung là Phan Thị P, sinh ngày 30/01/2016 cho chị Nguyễn Thị B là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con chung sau khi vợ chồng ly hôn. Anh Phan V không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do chị P không yêu cầu). Anh v có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị B và anh Phan V không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về vay nợ*: Chị Nguyễn Thị B và anh Phan V không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị B tự nguyện chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0005077 ngày 02/2/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang. Trả lại cho chị Nguyễn Thị B số tiền chênh lệch là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Anh Phan V không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND thành phố TQ (02 bản);
- THADS thành phố TQ (để thi hành)
- UBND Phường P (để biết);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ+ Tòa án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hương Giang